

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-PT

Ngày 10-01-2019

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Đức Châm;

Ông Phạm Văn Tuệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***  
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLPT- DS, ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Trương A D; cư trú tại: Tổ \*, khối \*\*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 09-01-2019; vắng mặt ngày 10-01-2019.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Chu Thị P; cư trú tại: Tổ \*, khối \*\*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 20-7-2018; có mặt.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Tài H; Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Số \*, ngõ \*, đường L, phường Đ, thành phố L; có mặt ngày 09-01-2019; vắng mặt ngày 10-01-2019.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Xuân L; cư trú tại: Tổ \*, khối \*\*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt ngày 09-01-2019; vắng mặt ngày 10-01-2019.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân L*: Anh Nguyễn Xuân T; cư trú tại: Số \*, ngõ \*\*, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 04-01-2019; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn*: Bà Lê Thị L; Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Chu Thị P; cư trú tại: Tổ \*, khối \*\*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị P; cư trú tại: Tổ \*, khối \*\*, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P*: Anh Nguyễn Xuân T; địa chỉ: Số \*, ngõ \*\*, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 04-01-2019; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Trương A D là nguyên đơn;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trương A D có vay tiền của bà Nguyễn Thị P (vợ ông Nguyễn Xuân L), tổng cộng số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Ngày 26-02-2011, giữa ông Trương A D và bà Nguyễn Thị P có viết Giấy nợ tiền gán đất (gọi tắt là giấy gán đất) cho bà Nguyễn Thị P (giấy viết tay, có chữ ký của hai bên). Nội dung: Ông Trương A D có mảnh đất 61m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L và không có tiền trả nên gán cho bà Nguyễn Thị P 30m<sup>2</sup> làm nhà ở; nếu bà Nguyễn Thị P không ở mà bán cho người khác thì ông Trương A D chuộc lại theo giá vàng lúc làm giấy gán đất là 4.100.000 đồng/chỉ vàng. Khi nào Nhà nước kiểm đếm, đền bù thì người đang sử dụng 30m<sup>2</sup> được hưởng, số còn lại 31m<sup>2</sup> chủ đất được hưởng. Sau đó ông Nguyễn Xuân L cho con trai đánh máy lại thành "Giấy mua bán đất", ghi ngày 26-02-2011 với nội dung: Ông Trương A D có mảnh đất 61m<sup>2</sup> thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L không sử dụng đến, bán cho bà Nguyễn Thị P có chồng là Nguyễn Xuân L với giá thỏa thuận là 80.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trương A D cho rằng: Giấy mua bán đất đánh máy, do ông Nguyễn Xuân L mang đến nhà ông là vào tối 13-9-2016, (đánh máy sẵn ghi ngày 26-02-2011). Sau đó ông Nguyễn Xuân L viết vào phía sau tờ Giấy nợ tiền gán đất ngày 26-02-2011 do ông Trương A D giữ với nội dung "Thỏa thuận: Nếu Nhà nước sử dụng đến và đền bù 61m<sup>2</sup> theo giấy mua bán ngày 26-02-2011 thì ông Nguyễn Xuân L không nhận tiền đền bù và cho hết bác Dìn". Do nhận thức không đầy đủ nên ông Trương A D đã ký vào tờ "Giấy mua bán đất", thực chất ông Trương A D không bán 61m<sup>2</sup> đất. Từ năm 2012 ông Trương A D đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn

Xuân L trả lại đất nhưng ông Nguyễn Xuân L không trả. Năm 2018 ông Trương A D kê khai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Xuân L ngăn cản. Ông Trương A D khởi kiện đề nghị Tòa án: Buộc ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P trả lại diện tích đất 61m<sup>2</sup>, ông Trương A D sẽ trả lại cho gia đình ông Nguyễn Xuân L 80.000.000 đồng; hủy Giấy nợ tiền gán đất ngày 26-02-2011 và tuyên hợp đồng mua bán đất ngày 26-02-2011 vô hiệu.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân L trình bày: Do Giấy gán đất ông Trương A D viết tay đọc không rõ nội dung, nên ngày hôm sau 27-02-2011 ông Nguyễn Xuân L bảo con trai đánh máy lại là "Giấy mua bán đất" nhưng vẫn đề ngày 26-02-2011 và mang sang nhà cho ông Trương A D xác nhận. Sau khi mua đất năm 2012 ông L xây 01 nhà tạm cấp 4 để làm chỗ bán hàng; năm 2016 làm thêm nhà tạm nữa trên toàn bộ diện tích đất; từ năm 2011 đến nay không có ai tranh chấp. Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Trương A D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị P (vợ của ông Trương A D) trình bày: Thừa nhận việc ông Trương A D nợ tiền bà Nguyễn Thị P và có làm giấy gán cho bà Nguyễn Thị P 30m<sup>2</sup> đất vào ngày 26-02-2011 là có thật. Nhưng cho rằng ông Nguyễn Xuân L mang tờ Giấy mua bán đất đánh máy ghi ngày 26-02-2011 đến để ông Trương A D ký có sự khuất tất, thực chất giấy này ông Nguyễn Xuân L đánh máy vào năm 2016. Nội dung "Giấy mua bán đất" ghi bán cả 61m<sup>2</sup> là không đúng vì theo Giấy nợ tiền gán đất viết tay ông Trương A D chỉ gán 30m<sup>2</sup>, còn 31m<sup>2</sup> còn lại vẫn của ông Trương A D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P trình bày về nội dung hai bên giao dịch như ông Nguyễn Xuân L đã trình bày; bà yêu cầu giải quyết theo đúng Giấy mua bán đất đánh máy ngày 26-02-2011.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 15-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã căn cứ Điều 122, 124, 697, 698, 699, 700, 701, 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, 5 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 9 Điều 26; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương A D theo Giấy nợ tiền gán đất viết tay ngày 26-02-2011, cụ thể:

- Ông Trương A D được quyền quản lý, sử dụng 25,57m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vị trí đất: Phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Xuân L (trên sơ đồ ký hiệu là EF=5,45m); phía Tây giáp tường nhà bà Trần Hương L (FD = 4,64m); phía Đông giáp vỉa hè đường Quốc lộ 1A (AE = 4,64m); phía Nam giáp đường ngõ đi chung (AD = 5,5m).

- Ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sử dụng 30m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh

Lạng Sơn. Vị trí đất: Phía Bắc giáp ngõ đi chung (trên sơ đồ ký hiệu là BC = 5,45m); phía Tây giáp tường nhà bà Trần Hương L (CF = 5,51m); phía Đông giáp hè đường Quốc lộ 1A (BE = 5,51m); phía Nam giáp phần đất còn lại của ông Trương A D (EF = 5,45m).

- Buộc ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ, di dời tài sản trên phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Trương A D để trả lại đất cho ông Trương A D. Chi phí việc tháo dỡ do gia đình ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P tự chịu.

*(có sơ đồ kèm theo Bản án).*

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương A D và ông Nguyễn Xuân L, bà Nguyễn Thị P đòi quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

3. Hủy bỏ "Giấy mua bán đất" đánh máy ghi ngày 26-02-2011 có chữ ký của ông Trương A D, ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P đối với diện tích đất 61m<sup>2</sup> thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương A D được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả ông Trương A D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí là 2.700.000 đồng; ông Trương A D phải chịu 1.350.000 đồng (đã nộp xong). Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 1.350.000 đồng; ông Nguyễn Xuân L phải trả cho ông Trương A D 1.350.000 đồng do ông Trương A D đã tạm ứng trước.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 ông Trương A D kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu: Sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu đòi quản lý, sử dụng 30m<sup>2</sup>; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận cho gia đình ông quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, với các lý do: Diện tích đất 30m<sup>2</sup> mà ông ghi gán nợ cho ông Nguyễn Xuân L ngày 26-02-2011 là đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là đất nằm trong hành lang an toàn giao thông nên không được phép chuyển nhượng, không được phép xây dựng nhà cửa; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân L và ông chưa tuân thủ cả về hình thức và nội dung, chưa được công chứng, chứng thực theo quy định và số tiền ông Nguyễn Xuân L đã thanh toán là 80.000.000 đồng chưa được 2/3 nghĩa vụ trong giao dịch nên bị vô hiệu; bản án sơ thẩm công nhận cho ông Nguyễn Xuân L diện tích đất là 30m<sup>2</sup>, còn ông được 25,57m<sup>2</sup> là không hợp lý vì trái với quy định về điều kiện diện tích để tách thửa theo Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 09-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết đối với diện tích đất tranh chấp; không yêu cầu giải quyết đối với các giấy gán nợ, mua bán đất nữa.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện đủ các quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Do các đương sự đã thỏa thuận lại về việc phân chia tài sản nên đề nghị tính toán lại tiền án phí mà các đương sự phải chịu theo nội dung các đương sự đã thỏa thuận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, qua quá trình hòa giải các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Ông Trương A D và vợ chồng ông Nguyễn Xuân L, mỗi bên được quyền quản lý, sử dụng 1/2 diện tích đất tranh chấp (55,57m<sup>2</sup>), cụ thể ông Trương A D được sử dụng diện tích đất là 27,78m<sup>2</sup>; vợ chồng ông Nguyễn Xuân L được quyền sử dụng diện tích là 27,79m<sup>2</sup>, thuộc phần đất trên đó có ngôi nhà số 1 nằm ở phía Bắc của thửa đất tranh chấp; các công trình gia đình ông Nguyễn Xuân L đã xây dựng trên phần đất ông Trương A D được quyền sử dụng, vợ chồng ông Nguyễn Xuân L có trách nhiệm tháo dỡ; chi phí tháo dỡ vợ chồng ông Nguyễn Xuân L tự chịu.

[2] Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Việc sửa Bản án sơ thẩm là do có tình tiết mới, cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương A D và ông Nguyễn Xuân L mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 07-5-2018 ông Trương A D có đơn đề nghị xem xét miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L với lý do là người cao tuổi, có khó khăn về kinh tế. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Trương A D sinh năm 1938. Theo Điều 2 Luật Người cao tuổi quy định Người cao tuổi là người từ đủ 60 tuổi trở lên. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trương A D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên ông Trương A D phải chịu án phí dân phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trương A D đã nộp.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm (về chi phí tố tụng) không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 15-10-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ các Điều 122, 124, 697, 698, 699, 700, 701, 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 5 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 165; Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1, 9 Điều 26; điểm a khoản 3 Điều 27; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### I. Về quyền sử dụng đất:

1. Ông Trương A D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 27,78m<sup>2</sup>, diện tích đất trên thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có vị trí và các phía tiếp giáp (thể hiện trên sơ họa là hình AEFD; S<sup>2</sup>) như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất xử cho ông Nguyễn Xuân L (trên sơ đồ ký hiệu là đoạn EF = 5,45m);

- Phía Tây giáp tường nhà bà Trần Hương L (đoạn FD = 5,05m);

- Phía Đông giáp vỉa hè đường Quốc lộ 1A (đoạn AE = 5,05m);

- Phía Nam giáp đường ngõ đi chung (đoạn AD = 5,5m).

2. Ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 27,79m<sup>2</sup>. Diện tích đất trên thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu các công trình trên đất. Khu đất có vị trí và các phía tiếp giáp (thể hiện trên sơ đồ là hình BCFE; S<sup>1</sup>) như sau:

- Phía Bắc giáp ngõ đi chung (trên sơ đồ ký hiệu là đoạn BC = 5,45m);

- Phía Tây giáp tường nhà bà Trần Hương L (đoạn CF = 5,10m);

- Phía Đông giáp hè đường Quốc lộ 1A (đoạn BE = 5,10m);

- Phía Nam giáp phần đất xử cho ông Trương A D theo mục 1 (đoạn EF = 5,45m).

3. Ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P phải tháo dỡ tài sản (các công trình) trên phần đất xử cho ông Trương A D theo Quyết định tại điểm 1 mục I nêu trên để trả lại đất cho ông Trương A D. Chi phí việc tháo dỡ do ông Nguyễn Xuân L và bà Nguyễn Thị P tự chịu.

*(Có sơ đồ thửa đất tranh chấp lập ngày 07/8/2018 và Sơ đồ thửa đất thể hiện theo thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa kèm theo Bản án).*

## **II. Về án phí:**

### **1. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

a. Ông Trương A D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Trương A D 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án đã nộp theo Biên lai thu số AA/2012/02758 ngày 11-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

b. Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

**2. Về án phí dân sự phúc thẩm:** Ông Trương A D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Trương A D đã nộp theo Biên lai thu tiền số 02908, ngày 06-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Ông Trương A D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

## **III. Về chi phí tố tụng:**

1. Ông Trương A D phải chịu 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này ông Trương A D đã nộp.

2. Ông Nguyễn Xuân L phải chịu 1.350.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Xuân L phải trả cho ông Trương A D 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Trương A D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân L chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDTP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP; KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Trung Vân**



